

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 75/2024/HNGĐ-ST
Ngày 03 – 5 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

Bà Nguyễn Bé Sáu.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thu Khiêm – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Bùi Hoàng Q**, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: **Khóm F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.**

- *Bị đơn:* Chị **Đinh Huyền T**, sinh năm 1998 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: **Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/8/2023 và các lời khai tại Tòa án anh **Bùi Hoàng Q** (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị **Đinh Huyền T** chung sống với nhau vào năm 2018, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi và đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nay anh yêu cầu ly hôn với chị **Đinh Huyền T**.

Về con chung: Anh xác định có 01 con chung tên **Bùi Quang A**, sinh ngày 12/12/2016. Hiện tại, con đang sống với anh. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị **T** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ thu, nợ trả: Anh xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị **Đinh Huyền T**, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý về yêu cầu của anh **Bùi Hoàng Q** nhưng chị **T** không có ý kiến. Tòa án thông báo để chị **T** tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng chị **T** vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa anh, chị được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã triệu tập họp lệ chị **Đinh Huyền T** tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng chị **T** vắng mặt không lý do; nguyên đơn anh **Bùi Hoàng Q** có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị **T**, anh **Q** theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền*:

Tranh chấp giữa anh **Bùi Hoàng Q** với chị **Đinh Huyền T** là tranh chấp hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chị **Đinh Huyền T** có địa chỉ cư trú tại **ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau**. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án*:

[3.1] Về hôn nhân: Anh **Bùi Hoàng Q** và chị **Đinh Huyền T** chung sống với nhau vào năm năm 2018, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau** theo giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 12/02/2018 nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Anh **Q** yêu cầu được ly hôn với chị **T**, với nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi và đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Đối với yêu cầu này Hội đồng xét xử thấy rằng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử chị **T** không có ý kiến bằng văn bản hay trực tiếp tranh tụng tại phiên tòa để thể hiện quan điểm đối với yêu cầu của anh **Q**, cũng như tự bảo vệ quyền lợi hợp pháp chính đáng cho chị. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa anh **Q** và chị **T** đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của anh **Q**, cho anh **Q** được ly hôn với chị **T** là có căn cứ pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Anh **Q** xác định có 01 con chung tên **Bùi Quang A**, sinh ngày 12/12/2016. Hiện tại, con đang sống với anh **Q**. Sau khi ly hôn anh **Q** yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị **T** cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ trước đến nay anh **Q** nuôi dưỡng con cũng đã ổn định, sức khỏe vẫn phát triển bình thường. Mặt khác, theo biên bản lấy lời khai ngày 06/3/2024 cháu **Bùi Quang A** có nguyện vọng muốn sống với anh **Q**, chị **T** cũng không có ý kiến yêu cầu được nuôi con nên yêu cầu nuôi con của anh **Q** là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh **Q** giao cháu **Bùi Quang A** cho anh **Q** trực tiếp nuôi dưỡng. Anh **Q** không yêu cầu chị **T** cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Anh **Q** xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về nợ thu, nợ trả: Anh **Q** xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh **Q** phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 51, 53, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh **Bùi Hoàng Q**.

[1] Về hôn nhân: Anh **Bùi Hoàng Q** được ly hôn với chị **Đinh Huyền T**.

[2] Về con chung: Giao cho anh **Bùi Hoàng Q** được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên **Bùi Quang A**, sinh ngày 12/12/2016 và chị **Đinh Huyền T** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị **Đinh Huyền T** không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh **Bùi Hoàng Q** phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0012726 ngày 02/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước; anh **Q** đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, anh **Bùi Hoàng Q** và chị **Đinh Huyền T** vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Phòng KTNV&THA;
- UBND thị trấn Trần Văn Thời;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Hiền